BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THUỶ VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

THÔNG BÁO
KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP
THÁNG VI/2018

HÀ NỘI, THÁNG VII/2018

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thuỷ văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tháng do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thuỷ văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024.37733372; 024.37733090-407

Fax: 024.38358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn;

Webside: http://www.imh.ac.vn

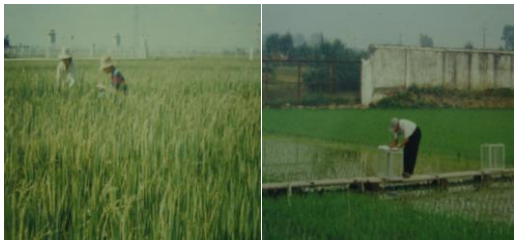

MỤC LỤC

Trang

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VI/2018 1
1. Vùng Tây Bắc 1
2. Vùng Việt Bắc 2
3. Vùng Đông Bắc 4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ 5
5. Vùng Bắc Trung Bộ 6
6. Vùng Trung Trung Bộ 7
7. Vùng Nam Trung Bộ 9
8. Vùng Tây Nguyên 10
9. Vùng Nam Bộ 11
V. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VI/2018 12
1. Đối với cây lúa 13
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp 15
VI. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VII-IX NĂM 2018 17
V. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ 17
V. TÀI LIÊU THAM KHẢO 18

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VI/2018

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng VI/2018 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-0,8^{0}C đến 2,2^{0}C) (hình 10).

Hầu hết các khu vực có lượng mưa xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -199mm đến 270mm. (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -69 giờ đến 24 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -12% đến 10%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng VI/2018 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

1.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -0,8 đến 1,5^{0}C; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ 20,1^{0}C đến 29,7^{0}C (hình 10).

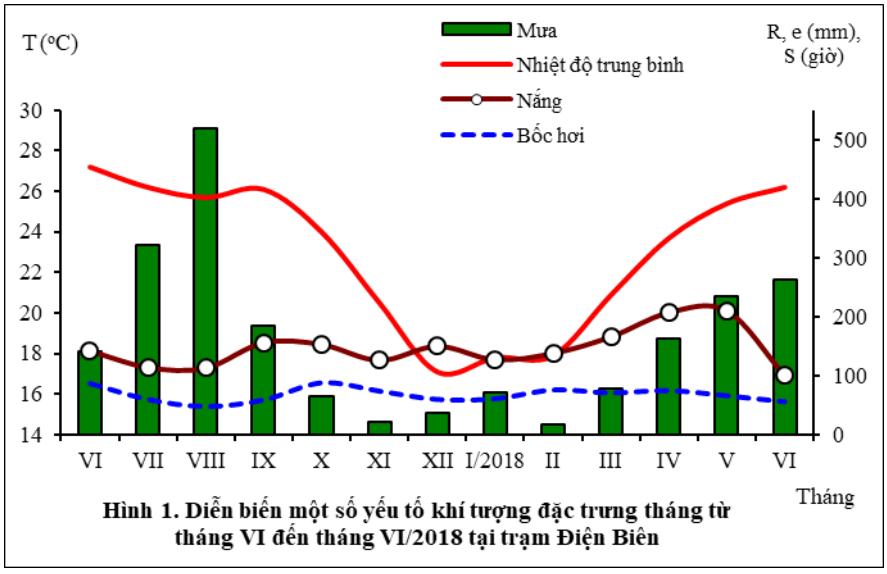

Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2018 tại trạm Điện Biên

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ 18,4^{0}C đến 26,5^{0}C, giá trị thấp nhất là 17,3^{0}C xảy ra vào ngày 3/VI tại Sìn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 23,3^{0}C đến 34,7^{0}C, giá trị cao nhất là 39,0^{0}C xảy ra vào ngày 30/VI tại Hòa Bình. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng VI đến tháng VI/2018 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VI/2018 ở khu vực Tây Bắc dao động phổ biến từ

131mm đến 390mm, ngoại trừ một số khu vực núi cao thuộc tỉnh Lai Châu lượng mưa rất lớn như Mường Tè (645mm), Sìn Hồ (773mm), Tam ĐƯờng (526mm), lượng mưa ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -123mm đến 270mm.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 24mm đến 165mm, cao nhất là 227mm xảy ra vào ngày 25/VI tại Mường Tè.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 15 đến 28 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 5 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 23 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng VI đến tháng VI/2018 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng VI/2018 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -59 giờ đến 17 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 63 giờ đến 181 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VI/2018 dao động từ 75% đến 92%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -5% đến 5%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 45% xảy ra vào ngày 29/VI tại Mai Châu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng VI/2018 có giá trị phổ biến từ 24mm đến 116mm. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-749mm đến -48mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 2- 5mm.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió Tây khô nóng xuất hiện ở một số nơi từ 1 – 10 ngày trong đó có từ 1 - 2 ngày với cường độ mạnh

- Dông xuất hiện ở một số khu vực từ 5 đến 14 ngày

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng VI/2018 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($0,4^0$C đến $1,6^0$C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ $19,6^0$C đến $30,1^0$C

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ $17,7^0$C đến $27,2^0$C, nhiệt độ không khí thấp nhất là $15,0^0$C xảy ra vào ngày 5/VI tại Sapa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 22,3^{0}C đến 34,9^{0}C, nhiệt độ không khí cao nhất là 38,3^{0}C xảy ra vào ngày 30/VI tại Vĩnh Yên.

2.2. Diễn biến về mưa

Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 82mm đến 618mm; cao nhất là 851mm tại Bắc Quang, lượng mưa phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh TBNN từ -186mm đến 180mm. Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng VI đến tháng VI/2018 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

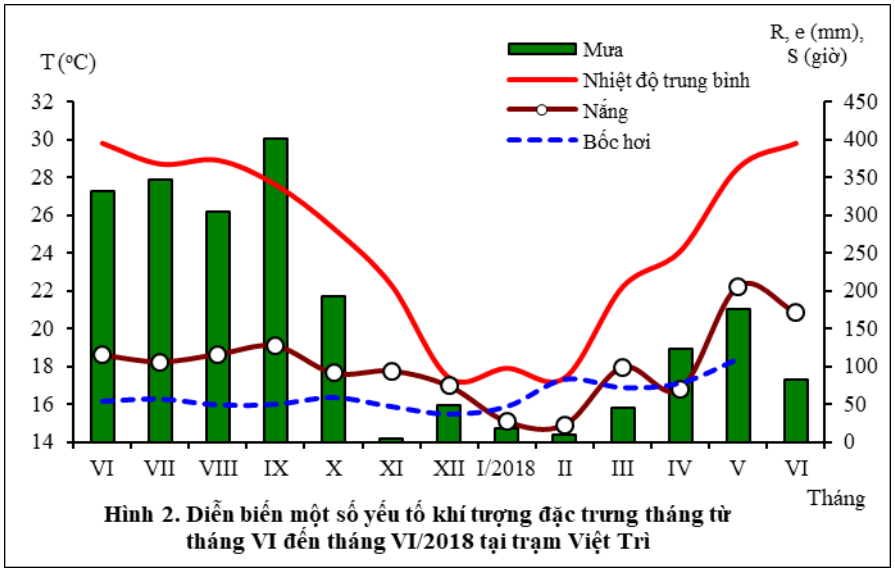

Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2018 tại trạm Việt Trì

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 17mm đến 208mm, cao nhất là 335mm xảy ra vào ngày 24/VI tại Bắc Quang. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 11 – 26 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 22 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 7 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

Tổng số giờ nắng tháng VI/2018 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 67 giờ đến 171 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-40 giờ đến 21 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VI/2018 phổ biến từ 77 đến 90%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-5% đến 5%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 32%, xảy ra vào ngày 7/VI tại Hà Giang.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 10mm đến 115mm, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-791mm đến -30mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3mm đến 8mm.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xảy ra ở một số nơi từ 2 – 11 ngày với cường độ nhẹ.

- Dông xảy ra ở một số khu vực từ 3 đến 18 ngày.

3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,3^{o}C đến 1,2^{o}C; có giá trị dao động từ 25,7^{0}C đến 30,3^{0}C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 30,5^{0}C đến 34,6^{0}C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 38,4^{0}C xảy ra vào các ngày 9/VI tại Hữu Lũng.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 22,9^{0}C đến 27,0^{0}C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 19,8^{0}C xảy ra vào ngày 7/VI tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liễn được thể hiện trên hình 3.

3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng VI/2018 dao động phổ biến từ 77mm đến 388mm, cao nhất là 538mm tại Trùng Khánh, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-163mm đến 245mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 19 đến 174mm, cao nhất là 201mm xảy ra ngày 27/VI tại Cửa Ông.

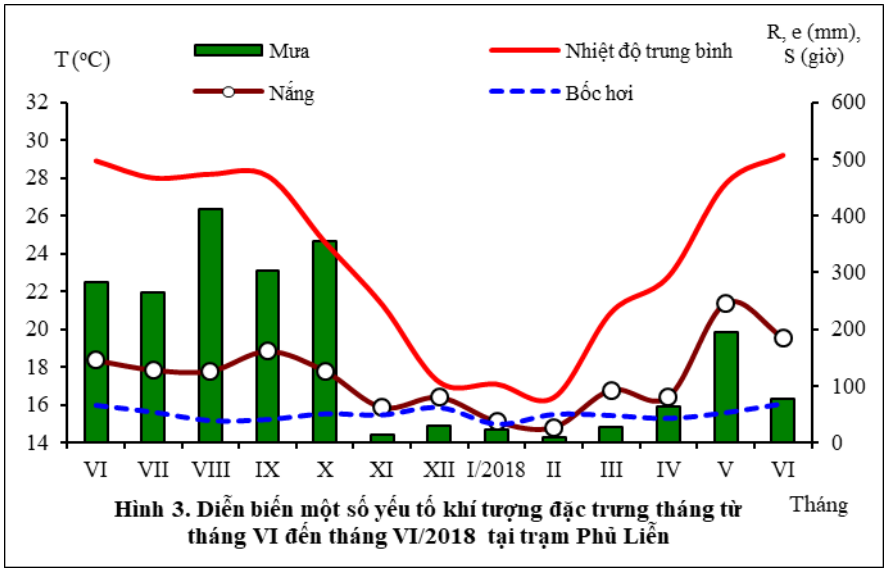

Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2018 tại trạm Phù Liễn

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 11 - 22 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 10 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 7 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liễn) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng VI/2018 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-45 giờ đến 19 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 101 giờ đến 185 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VI/2018 ở các nơi dao động phổ biến

từ 77 đến 86%, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -5% đến 4%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 34% xảy ra vào ngày 8/VI tại Bảo Lạc.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 59mm đến 110mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa -158mm đến -10mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 4 - 8mm (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Dông xuất hiện ở một số khu vực từ 4 – 17 ngày.

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 12 ngày với cường độ nhẹ.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 29,7^{0}C đến 30,7^{0}C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 0,9^{0}C đến 2,2^{0}C) (hình 10);

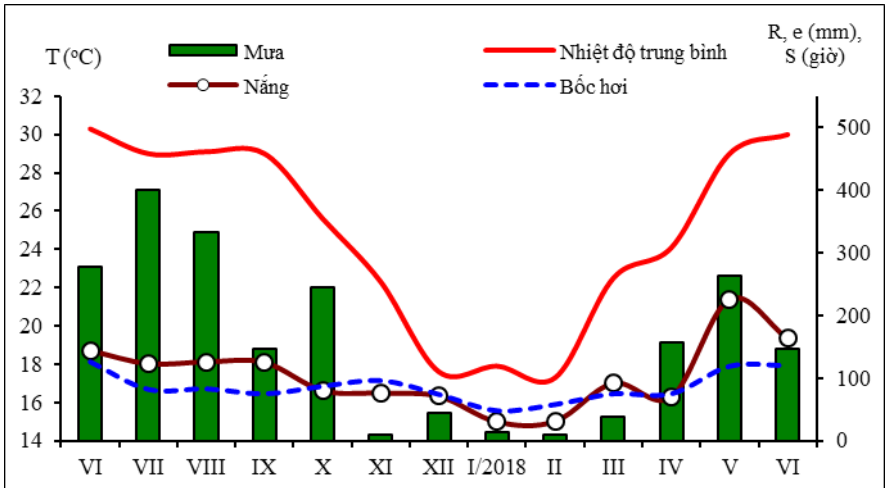

Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2018 tại trạm Hà Đông

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 32,4^{0}C đến 35,0^{0}C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 38,5^{0}C xảy ra vào ngày 22/VI tại Láng;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 26,8^{0}C đến 27,6^{0}C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,8^{0}C xảy ra vào ngày 1/VI tại Láng và ngày 15/VI tại Hưng Yên. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -200mm đến -50mm (hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 11mm đến 189mm.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 5 đến 57mm, số ngày mưa trong

tháng phổ biến từ 7 đến 17 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 10 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 13 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2018 ở các nơi trong vùng dao động từ 155 giờ đến 177 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -28 giờ đến -10 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 71% đến 83%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-13% đến -2%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 21% xảy ra vào ngày 21/VI tại Hưng Yên.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 79mm đến 128mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 6 đến 8mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa tháng từ -70mm đến 68mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây không nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 13 ngày trong đó có 1 – 2 ngày có cường độ mạnh.

- Dông xuất hiện ở một số khu vực từ 3 đến 13 ngày.

5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,9^{0}C đến 1,9^{0}C) (hình 10) và có giá trị từ 28,4^{0}C đến 30,4^{0}C.

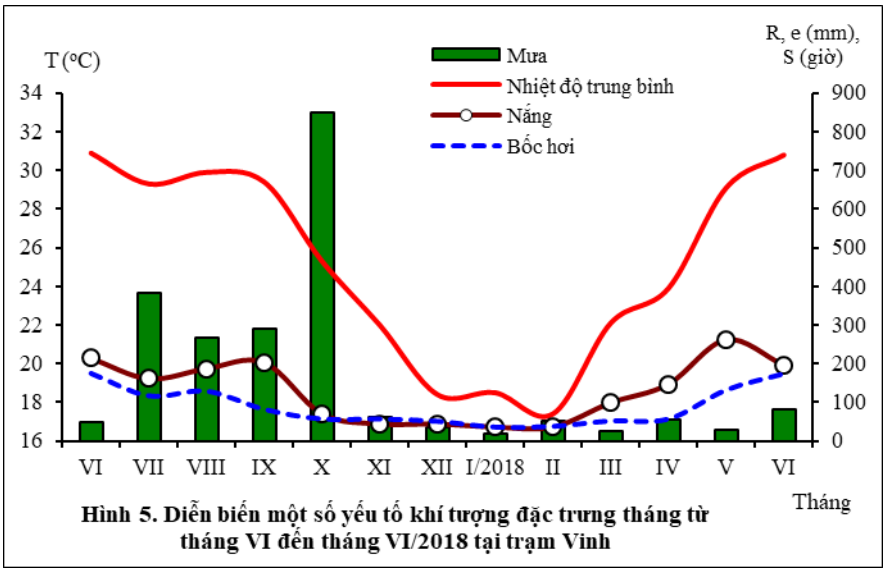

Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2018 tại trạm Vinh

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 33,5^{0}C đến 35,4^{0}C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 40,5^{0}C xảy ra vào ngày 30/VI tại Tĩnh Gia.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 24,9^{0}C đến 28,0^{0}C, giá

trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,0^{0}C xảy ra vào ngày 6/VI tại Quỳ Hợp. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng VI/2018, phần lớn các khu vực có lượng mưa phổ biến từ 12mm đến 151mm, cao nhất là 220mm xảy ra tại Cửa Rào. Tổng lượng mưa tháng xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -168mm đến -25mm (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 6 đến 69mm, cao nhất là 84mm xảy ra vào ngày 17/VI tại Con Cuông.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 3 - 18 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 7 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 14 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 147 đến 215 giờ, tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -45 giờ đến -10 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 69% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-9% đến -3%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 35% xảy ra vào ngày 29/VI tại Tĩnh Gia.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 65mm đến 203mm, lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 4 - 13mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-86mm đến 191mm).

5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 3 – 18 ngày trong đó có từ 1 – 9 ngày có cường độ mạnh.

- Dông xuất hiện ở một số nơi từ 2 – 11 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VI/2018 từ 25,7^{0}C đến 30,7^{0}C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,3^{0}C đến 1,3^{0}C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 30,1^{0}C đến 35,1^{0}C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 38,6^{0}C xảy ra vào ngày 29/VI tại Đồng Hới.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 22,4^{0}C đến 28,1^{0}C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 19,4^{0}C xảy ra vào ngày 28/VI tại A Lưới.

6.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa trong tháng VI/2018 ở hầu hết các khu vực đều xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -184mm đến 198mm. Lượng mưa ở Trung Trung Bộ chia thành 2 khu vực. Khu vực từ Ba Đồn đến Đông Hà dao động từ 17 – 84mm và khu vực từ Thừa Thiên Huế vào đến Quảng Ngãi lượng mưa cao hơn, dao động từ 115mm đến 288mm ngoại trừ trung tâm mưa Trà My lượng mưa tháng chỉ đạt 86mm.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 7 mm đến 91mm, cao nhất là 172mm xảy ra vào ngày 3/VI tại Quảng Ngãi.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 4 đến 17 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 7 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 6 đến 16 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng từ tháng VI đến tháng VI/2018 trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 102 giờ đến 203 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-69 giờ đến -17 giờ) (Hình 12).

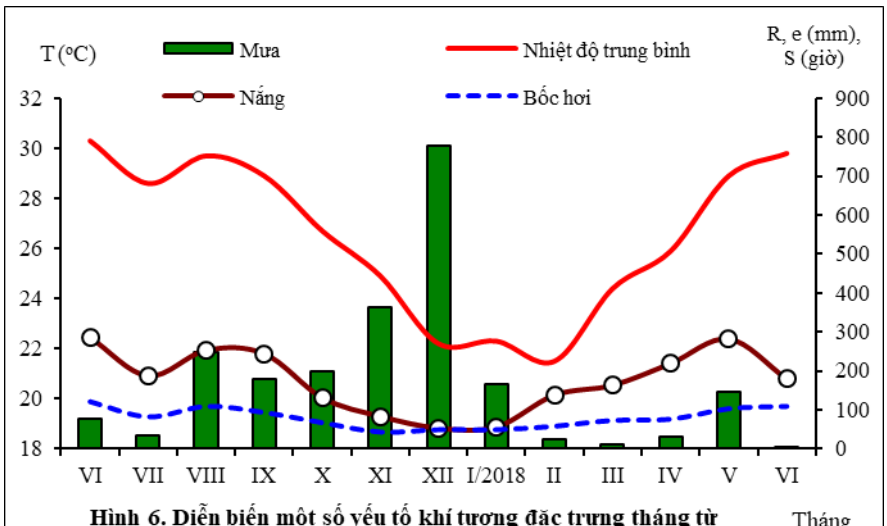

Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2018 tại trạm Đà Nẵng

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 72% đến 87%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -4% đến 4%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 39% xảy ra vào ngày 23/VI tại Nam Đông.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 66mm đến 195mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 11mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-137mm đến 50mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Dông xuất hiện ở một số khu vực từ 3 - 15 ngày.

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 18 ngày trong đó có 1 - 4 ngày có cường độ mạnh.

7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng VI/2018 từ 28,2^{0}C đến 30,1^{0}C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,3^{o}C đến 0,5^{o}C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,1^{0}C đến 34,6^{0}C giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 38,3^{0}C xảy ra vào ngày 22/VI tại Tuy Hòa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 25,7^{0}C đến 28,0^{0}C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,4^{0}C, xảy ra vào ngày 3/VI tại Nha Trang. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang từ tháng VI đến tháng VI/2018 được thể hiện trên hình 7.

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng VI/2018, ở hầu hết các khu vực lượng mưa dao động từ 79mm đến 132mm. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 30mm đến 68mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng VI đến tháng VI/2018 tại trạm Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

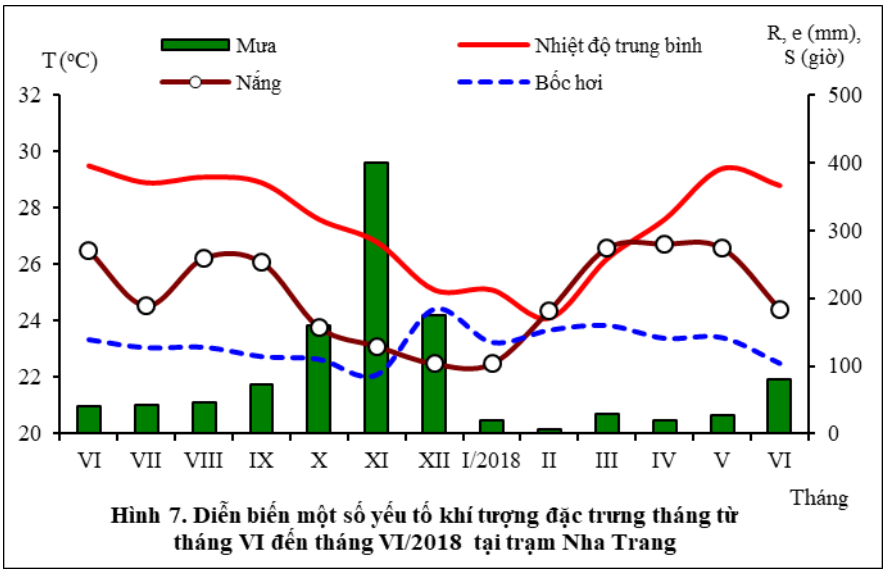

Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2018 tại trạm Nha Trang

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 28mm đến 90mm.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 7 đến 18 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 7 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 3 đến 14 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2018 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 173 giờ đến 204 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị

TBNN (-59 giờ đến -10 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 71% đến 85%, phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 40% xảy ra vào ngày 12/VI tại Phan Rang.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 77mm đến 172mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 12mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-137mm đến 50mm).

7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Dông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 6 ngày.

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 15 ngày trong đó có 1 đến 3 ngày có cường độ mạnh.

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng VI/2018 từ 19,4^{0}C đến 27,6^{0}C; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,4^{0}C đến 1,1^{0}C (hình 10).

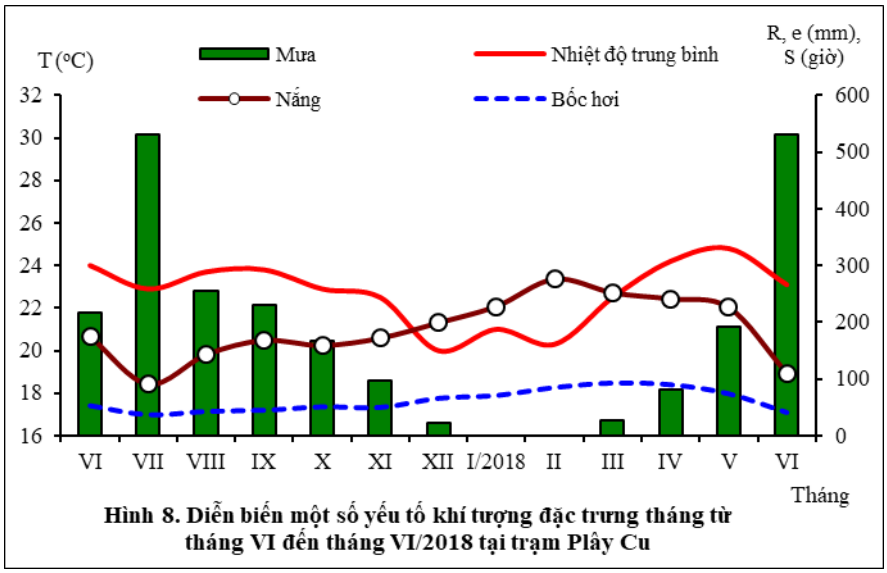

Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2018 tại trạm Plây Cu

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 23,5^{0}C đến 31,7^{0}C; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 35,0^{0}C xảy ra vào ngày 29/VI tại Ayunpa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 17,2 đến 24,9^{0}C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 15,7^{0}C xảy ra vào ngày 28/VI tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng từ tháng VI đến tháng VI/2018 ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VI/2018 ở khu vực Tây Nguyên có lượng mưa 111 đến 394mm, cao nhất là 531mm tại Plây Cu. Lượng mưa tháng phổ biến ở

mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -48mm đến 174mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 23mm đến 68mm, cao nhất là 125mm xảy ra ngày 3/VI tại An Khê. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 15 đến 26 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 24 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 6 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng VI đến tháng VI/2018 tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2018 phổ biến từ 99 giờ đến 198 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-40 giờ đến -10 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -4% đến 10% (hình 13), có giá trị phổ biến từ 74% đến 90%; độ ẩm không khí thấp nhất là 48% xảy ra vào ngày 27/VI tại M'Drak.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 24mm đến 120mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 7mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa từ -490m đến -145mm.

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Dông xuất hiện ở một số khu vực từ 3 - 14 ngày.

- Gió tây khô nóng xuất hiện duy nhất 1 ngày ở Ayunpa với cường độ nhẹ.

9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng V/2018 từ 26,3^{0}C đến 28,7^{0}C phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,4^{0}C đến 1,1^{0}C) (hình 10).

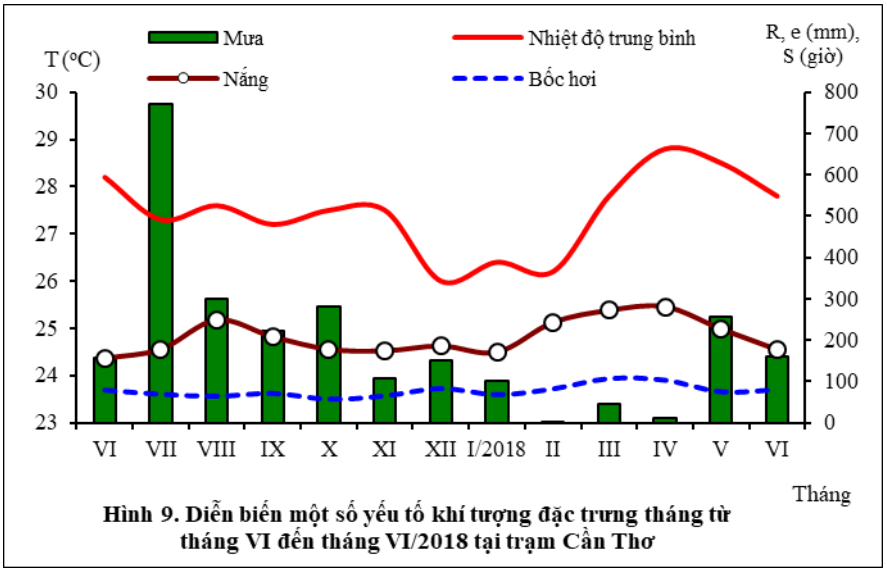

Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2018 tại trạm Cần Thơ

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,1^{0}C đến 33,9^{0}C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 38,2^{0}C xảy ra vào ngày 24/VI tại Cần Thơ.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,5^{0}C đến 26,0^{0}C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,1^{0}C xảy ra vào ngày 14/VI tại Xuân Lộc. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng từ tháng VI đến tháng VI/2018 tại trạm Cần Thơ.

9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VI/2018 dao động phổ biến từ 150mm đến 372mm. Lượng mưa tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao đọng xung quanh giá trị TBNN (-83mm đến 33mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 28mm đến 146mm.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 11 đến 26 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 5 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 14 ngày.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2018 phổ biến từ 107 giờ đến 194 giờ; ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-26 giờ đến 24 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 77% đến 89%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -5% đến 4% (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 47% xảy ra vào ngày 14/VI tại Tân Sơn Nhất.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 43mm đến 93mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 6mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng (-199mm đến -70mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Dông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 18 ngày.

- Gió Tây khô nóng xuất hiện hầu hết các khu vực từ 1 - 9 ngày với cường độ nhẹ.

V. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VI/2018

Tháng VI, các địa phương ở Miền Bắc tập trung thu hoạch lúa đông xuân và gieo cấy lúa hè thu ở Miền Nam, thu hoạch các loại rau màu, cây công nghiệp vụ đông xuân ở hai miền đồng thời triển khai sản xuất rau màu vụ hè thu ở các tỉnh phía Nam. Nhìn chung, điều kiện khí tượng nông nghiệp trong tháng VI ở

đa phần các địa phương trên toàn quốc đều thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Nền nhiệt cao, số giờ nắng nhiều thuận lợi cho việc thu hoạch lúa đông xuân ở các tỉnh phía Bắc. Lượng mưa cao và số ngày mưa nhiều thuận lợi cho việc gieo mạ và chuẩn bị đất vụ mùa ở Miền Bắc, cây trồng vụ hè thu ở Miền Nam phát triển tốt.

Ở khu vực Bắc Trung Bộ, do ảnh hưởng của các đợt nắng nóng, lượng mưa tháng thấp hơn lượng bốc hơi nên nhiều nơi xuất hiện hạn cục bộ.

Nhìn chung sản xuất nông nghiệp 6 tháng đầu năm 2018 đạt kết quả khá tốt. Thời tiết thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng và phát triển, đặc biệt là cây lúa.

1. Đối với cây lúa

- *Lúa Đông xuân:* Diện tích gieo cấy lúa Đông xuân cả nước năm nay ước tính đạt 3.102,2 nghìn ha, bằng 99,6% so với cùng kỳ, năng suất ước đạt 66,2 tạ/ha, tăng 3,9 tạ/ha so với cùng kỳ; sản lượng đạt 20,5 triệu tấn, tăng 1,1 triệu tấn (tăng 5,7% so vụ Đông xuân năm trước và tăng cao nhất trong 10 năm trở lại đây)

Các địa phương phía Bắc đã gieo cấy đạt 1.127,6 ngàn ha, đạt 98,5% so với cùng kỳ năm trước, năng suất lúa Đông xuân ước đạt 63,7 tạ/ha, tăng 1,4 tạ/ha, tương đương tăng 2,3% so cùng kỳ; sản lượng ước đạt gần 7,2 triệu tấn, tăng 58,2 nghìn tấn, tương đương tăng 0,8%. Riêng tại vùng đồng bằng sông Hồng, thời tiết nông vụ 6 tháng đầu năm thuận lợi, nguồn nước dồi dào, lúa được gieo cấy đúng khung thời vụ nên năng suất lúa các tỉnh đều tăng từ 0,1 đến 1,8 tạ/ha.

Điều kiện khí tượng trong tháng VI tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp ở hầu hết các tỉnh phía Bắc. Nền nhiệt và số giờ nắng cao thuận lợi cho bà con nông dân thu hoạch lúa đông xuân, đảm bảo cho các diện tích lúa đang trong giai đoạn trỗ bông vào chắc thuận lợi. Tháng VI là tháng mùa mưa, lượng mưa và số ngày mưa tăng hơn so với các tháng trước, đủ nước gieo mạ và chuẩn bị đất vụ mùa, thuận lợi cho các cây rau màu vụ hè thu, tuy nhiên lượng mưa vẫn thấp hơn so với TBNN, một số khu vực trong một số ngày bị ảnh hưởng của gió Tây khô nóng kết hợp với các đợt nắng nóng làm lượng bốc hơi tăng và cao hơn lượng mưa dẫn đến tình trạng thiếu hụt nước tức thời cho sản xuất nông nghiệp. Số ngày

xuất hiện dông tăng, dông, lốc kèm theo mưa lớn gây thiệt hại cho người và hoa màu.

Miền Nam: Tổng diện tích xuống giống lúa Đông xuân đạt khoảng 1.974,6 triệu ha, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm trước; năng suất bình quân ước đạt 67,8 tạ/ha, tăng 5,3 tạ/ha, tương đương tăng 8,5% so cùng kỳ; sản lượng ước đạt 13,37 triệu tấn, tăng 1.050,9 nghìn tấn, tương đương tăng 8,6%. Riêng tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, diện tích xuống giống lúa Đông xuân năm nay đạt 1.573,6 nghìn ha, giảm 5,6 nghìn ha, tương đương giảm 0,4% so cùng kỳ. Tình hình thời tiết vụ Đông xuân 2018 khá thuận lợi, không có mưa trái mùa khi lúa trỗ bông nên năng suất lúa năm nay đạt 69,3 tạ/ha, tăng 6,3 tạ/ha, tương đương tăng 10%; sản lượng đạt hơn 10,9 triệu tấn, tăng 950,5 nghìn tấn, tương đương tăng 9,6%. Hầu hết các tỉnh đều tăng năng suất, một số tỉnh năng suất tăng cao như Bến Tre tăng 12,3 tạ/ha, Kiên Giang tăng 10,5 tạ/ha, Đồng Tháp tăng 9,9 tạ/ha, Tiền Giang tăng 8,9 tạ/ha,… Tuy diện tích giảm nhưng do năng suất tăng cao nên sản lượng lúa đông xuân 2018 tăng so với cùng kỳ, các tỉnh có sản lượng tăng cao là Kiên Giang tăng 251,3 nghìn tấn, Đồng Tháp tăng 183,8 nghìn tấn, Long An tăng 131,3 nghìn tấn, Trà Vinh tăng 92,4 nghìn tấn.

Trong tháng VI, do ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam thổi mạnh mang theo mưa rào và dông. Tuy lượng mưa và số ngày mưa đã giảm hơn so với tháng trước nhưng đã chấm dứt được tình trạng xâm nhập mặn ở nhiều địa phương. Lượng nước tại các hồ chứa tăng lên đảm bảo lượng nước tưới cho sản xuất nông nghiệp.

- *Lúa hè thu:* Tính đến cuối tháng, cả nước gieo trồng đạt 1,842 triệu ha lúa Hè thu, bằng 90,7% so cùng kỳ, trong đó vùng ĐBSCL đạt 1.460,4 nghìn ha, bằng 89,3%. Nhìn chung, tiến độ gieo trồng lúa Hè thu chậm so cùng kỳ do ảnh hưởng của lúa Đông xuân gieo trồng và thu hoạch muộn. Đến nay đã có 166,8 nghìn ha lúa Hè thu sớm chủ yếu tại các tỉnh ĐBSCL cho thu hoạch, bằng 52,6% so với cùng kỳ.

Tình hình thời tiết rất thuận lợi thời điểm xuống giống, nên các loại cây trồng trong vụ Hè thu đang phát triển tốt, tuy nhiên tình hình mưa lớn kéo dài tại các tỉnh ĐBSCL trong những ngày qua đã phần nào ảnh hưởng đến việc thu hoạch các tiểu vùng có diện tích xuống giống Hè thu sớm, cũng như làm tăng tỷ lệ thất thoát trong thu hoạch, giảm năng suất cây trồng. Những diện tích lúa Hè thu các tỉnh miền Bắc đang ở giai đoạn đẻ nhánh đến chắc xanh. Miền Trung

đang trong thời kỳ ít mưa, nền nhiệt và số giờ nắng cao kết hợp với các đợt nắng nóng kéo dài, lượng bốc hơi cao gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp. Ở các tỉnh miền Nam lúa Hè thu chính vụ đang trong giai đoạn đẻ nhánh, làm đòng đến trỗ chín, cây lúa sinh trưởng và phát triển tương đối tốt.

- *Lúa mùa:* Ngay sau khi gặt lúa Đông xuân, nhiều địa phương ở miền Bắc đã triển khai gieo trồng lúa Mùa, lúa nương. Tính đến cuối tháng cả nước đã có 254,5 ngàn ha được gieo trồng, tập trung chủ yếu tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc (133,6 ngàn ha)

2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Ngoài việc tập trung chăm sóc, thu hoạch lúa đông xuân và gieo cấy lúa hè thu, các địa phương trên cả nước còn đẩy mạnh gieo trồng các loại cây hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày. Nhìn chung các cây màu gặp thời tiết thuận lợi, sinh trưởng và phát triển tốt.

Cây màu: Tính đến cuối tháng, cả nước đã gieo trồng đạt 1,2 triệu ha cây màu lương thực, giảm 4,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, diện tích ngô ước đạt 742,1 nghìn ha, bằng 97,1% cùng kỳ; khoai lang đạt 86,5 nghìn ha, bằng 95,3%; sắn đạt 377,6 nghìn ha, bằng 94,7% cùng kỳ năm trước.

Cây công nghiệp ngắn ngày: Diện tích gieo trồng các cây công nghiệp ngắn ngày ước đạt 356,2 ngàn ha, bằng 93,4% cùng kỳ năm trước, trong đó: diện tích đậu tương đạt 32 ngàn ha, bằng 87,2%; lạc đạt 152,7 ngàn ha, bằng 98,5%; Diện tích rau, đậu các loại đạt 722,3 ngàn ha, tăng 3,5% cùng kỳ năm trước.

Ở Mộc Châu, Phú Hộ, Ba Vì chè đang trong giai đoạn chè lớn và lá thật 1, trạng thái sinh trưởng trung bình đến khá.

Ở Đồng bằng Bắc Bộ lạc đang trong giai đoạn củ già trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến khá.

Ở Tây Nguyên và Xuân Lộc cà phê đang trong giai đoạn hình thành quả, trạng thái sinh trưởng tốt.

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng VI/2018

S TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, dịch hoạ

				trồng		
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn	Khá	Ẩm	
2		Điện Biên	Lúa mùa mọc mầm	Kém	3cm	
3		Văn Chấn	Lúa mùa bén rễ đến đẻ nhánh	TB	3 cm	
4	Đông Bắc	Uông Bí	Lúa mùa mọc mầm	Khá	3cm	
5	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	Chè lớn	TB	Ẩm	
6		Ba Vì	Chè lớn lá thật thứ nhất	TB	Ẩm TB	
7	Đồng bằng sông Hồng	Hà Đông	Lúa mùa lá thứ 3	TB	3cm	
8		Hoài Đức	Ngô chín hoàn toàn			
			Thu hoạch lúa xuân			
			Thu hoạch đậu tương			
			Lạc của già	TB, Khá	quá ẩm	
9		Hải Dương	Lúa mùa lá thứ 3	Khá	3 cm	
10		Hưng Yên	Thu hoạch lúa xuân			
11		Nam Định	Lúa mùa lá thứ 3	TB	ẩm	
12		Ninh Bình	Cấy lúa mùa	TB	quá ẩm	
13	Bắc Trung Bộ	Yên Định	Thu hoạch lạc đông xuân			
14		Thanh Hoá	Lúa mùa lá thứ 5	Khá	3cm	
15		Quỳnh Lưu	Lúa hè thu mọc dóng	TB	4cm	
16		Đô Lương	Lúa hè thu đẻ nhánh	TB	3 cm	
17	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê hình thành quả	Tốt	Ẩm	
18	Nam Bộ	Trà Nóc	Lúa hè thu lá thứ 3	Khá	Ẩm	
19		Xuân Lộc	Cà phê hình thành quả	TB	Ẩm	

V. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VII-VIII NĂM 2018

3.1. Nhiệt độ

Nhiệt độ 3 tháng VII - IX năm 2018 có khả năng từ xấp xỉ đến lớn hơn TBNN trên đa phần diện tích cả nước, với xác suất 55 đến trên 77%; thấp hơn TBNN ở một số khu vực thuộc các tỉnh biên giới phía Bắc, phía Bắc Tây Nguyên, phía nam Nam Trung Bộ và một phần Nam Bộ với xác xuất từ 44 đến trên 77%. Chuẩn sai nhiệt độ được dự báo phổ biến từ dưới -0,5 đến 1^oC

3.2. Lượng mưa

Lượng mưa tháng VII - IX năm 2018 có khả năng từ xấp xỉ đến lớn hơn TBNN ở phía Bắc, từ thấp hơn đến xấp xỉ TBNN ở phần phía Nam, với xác xuất từ 44 đến trên 77%. Chuẩn sai lượng mưa mùa phổ biến từ -200 đến trên 200mm.

3.3. Hiện tượng cực đoan

Xoáy thuận nhiệt đới: Số lượng XTNĐ trên Biển Đông ảnh hưởng đến nước ta trong mùa mưa bão 2018 có khả năng ở mức TBNN, tập trung nhiều trong tháng VIII-X.

Nắng nóng: Nắng nóng và nắng nóng gay gắt ở Bắc Bộ và Trung Bộ có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN, chủ yếu tập trung vào tháng VII-VIII

V. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng VI và trên cơ sở dự báo khí hậu 3 tháng VII, VIII và IX/2018 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc:

- Các tỉnh miền núi trung du và đồng bằng Bắc Bộ chuẩn bị cấy lúa mùa hoặc lúa hè thu chính vụ, hè thu muộn, vùng Đông Bắc thu hoạch lúa đông xuân
- Phòng tránh mưa bão và áp thấp nhiệt đới có thể xảy ra ở Miền Bắc
- Phun thuốc, phòng trừ sâu bệnh hại lúa mới cấy và rau màu vụ hè thu

2. Miền Trung

- Chống hạn ở khu vực Bắc Trung Bộ
- Chăm sóc làm cỏ bón thúc cho lúa hè thu sớm và chính vụ
- Phòng tránh mưa bão, lũ lụt

2. Miền Nam:

- Thu hoạch lúa hè thu sớm
- Chăm sóc lúa hè thu chính vụ, gieo trồng lúa thu đông
- Chăm sóc rau màu, cây công nghiệp ngắn và dài ngày
- Đề phòng hạn, xâm nhập mặn
- Tập trung phòng trừ sâu bệnh cho lúa hè thu

V. TÀI LIÊU THAM KHẢO

1. Viện Khoa học Khí tượng thuỷ văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng VII, VIII, IX năm 2018;

2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thuỷ văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng VII năm 2018 các khu vực trên phạm vi cả nước;

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng VI năm 2018 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

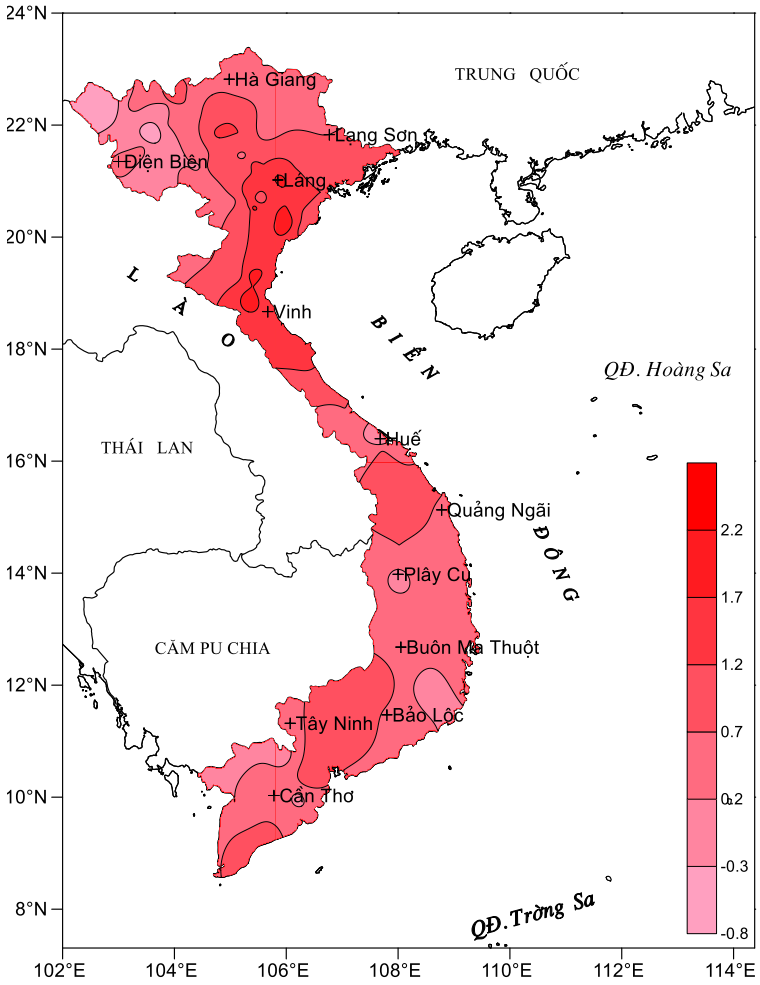

Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng VI/2018 so với TBNN (^{o}C)

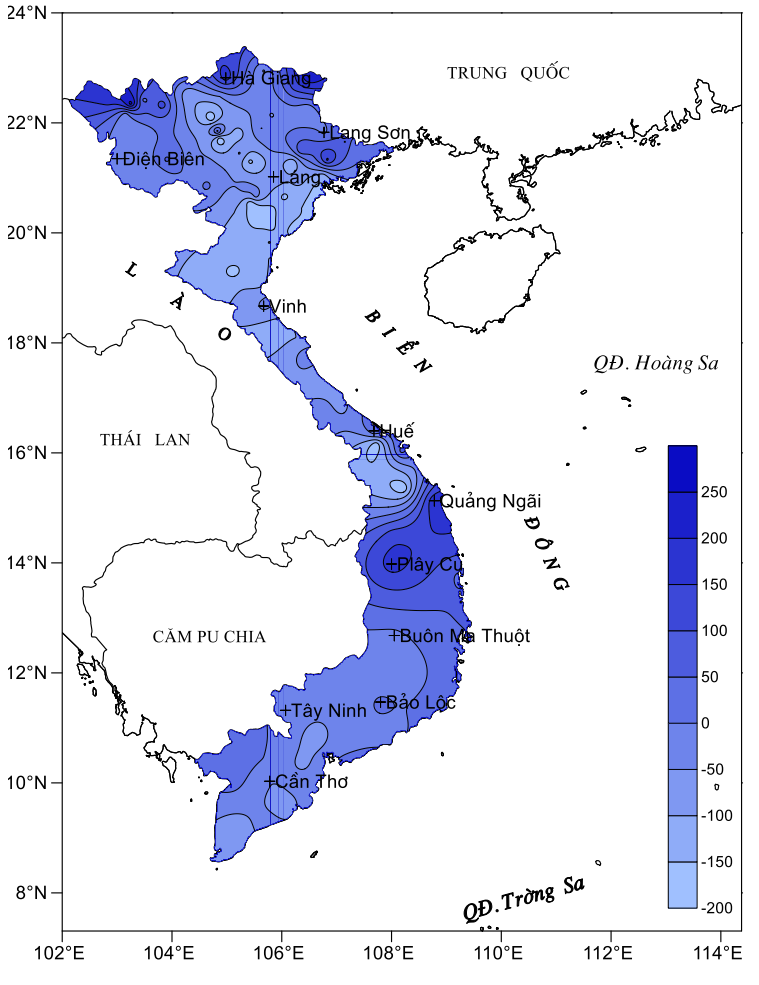

Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng VI/2018 so với TBNN (mm)

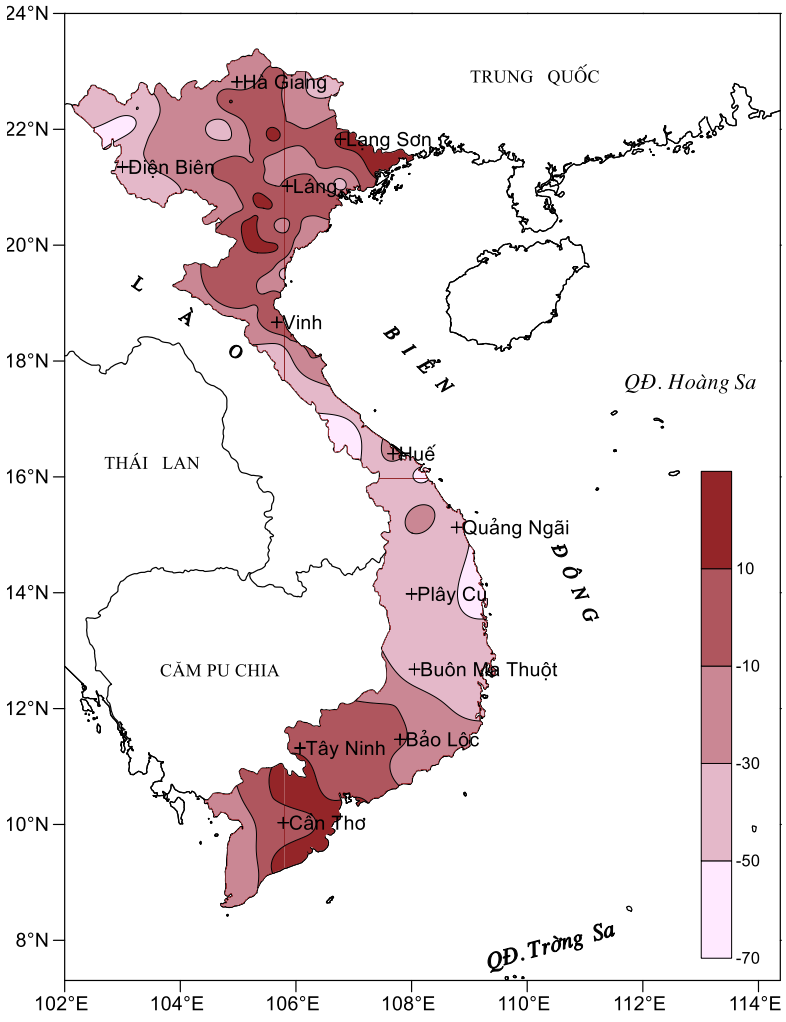

Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng VI/2018 so với TBNN (giờ)

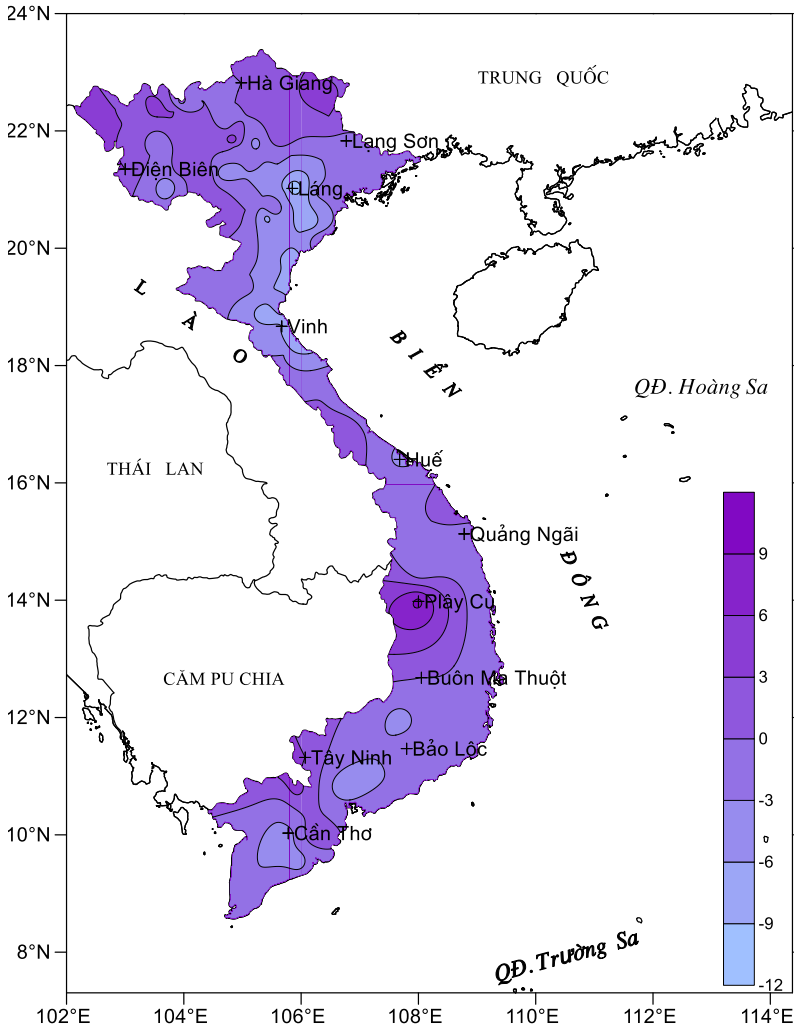

Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng VI/2018 so với TBNN (%)

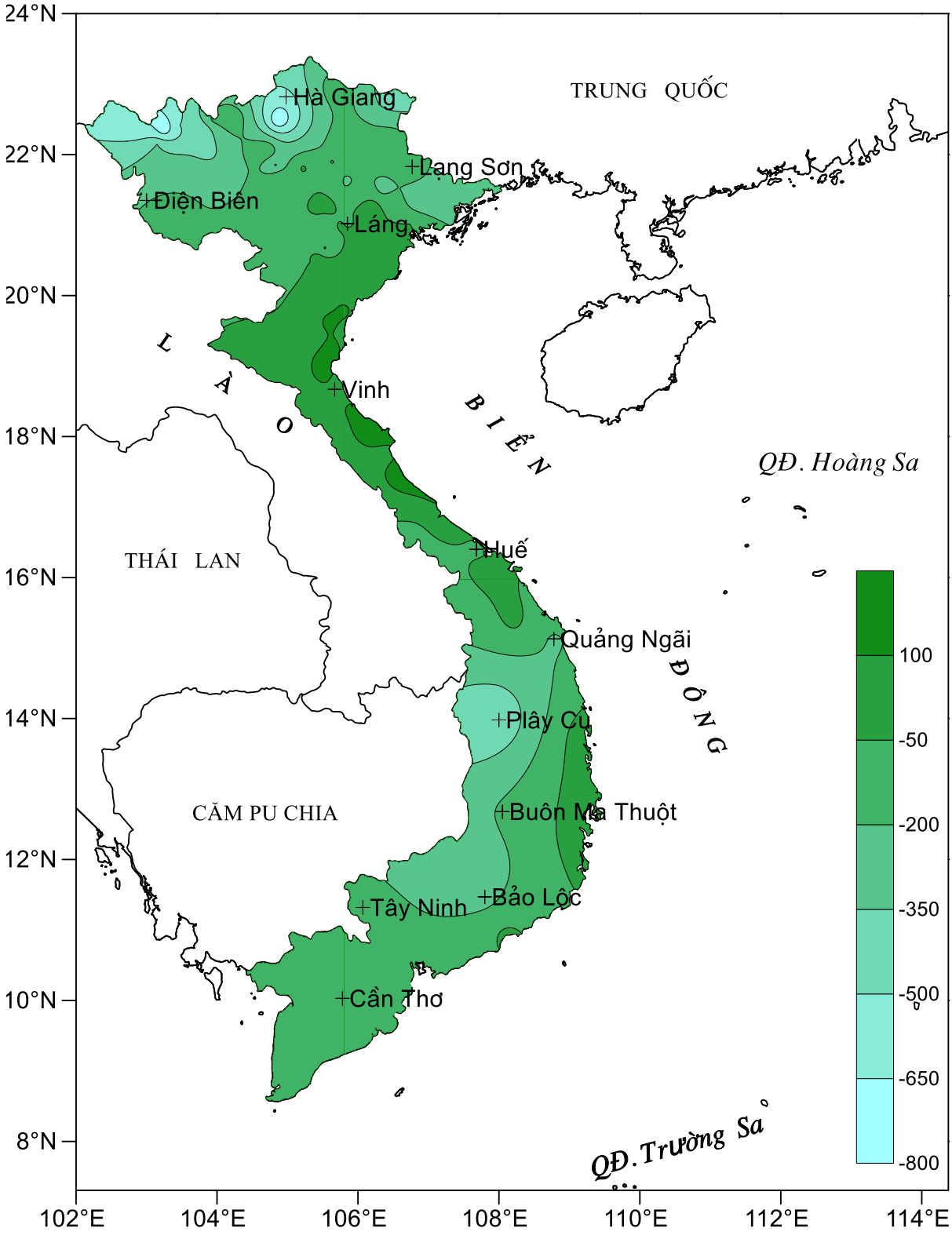

Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng VI/2018 (mm)